|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  **TỔNG CỤC THỐNG KÊ** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc | |
|  | *Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023* |

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Về tình hình lao động việc làm quý III và 9 tháng năm 2023[[1]](#footnote-1)

Trong quý III năm 2023, kinh tế thế giới có nhiều dấu hiệu khởi sắc, các tổ chức quốc tế điều chỉnh dự báo mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 tăng nhẹ so với những dự báo đưa ra trước đó. Thị trường lao động trên phạm vi toàn thế giới, đặc biệt là tại các quốc gia phát triển có tỷ lệ thất nghiệp thấp và cơ hội việc làm cho người lao động đang gia tăng. Tuy nhiên, kinh tế thế giới năm 2023 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, các tổ chức quốc tế đều dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 thấp hơn tốc độ tăng trưởng năm 2022 từ 0,1 đến 1,0 điểm phần trăm nên triển vọng thị trường lao động toàn cầu còn nhiều bấp bênh[[2]](#footnote-2).

Trong nước, lực lượng lao động, số người có việc làm quý III năm 2023 tiếp tục tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên lao động phi chính thức chiếm tỷ trọng lớn, khoảng ba phần năm tổng số lao động có việc làm của cả nước. Thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp trong độ tuổi lao động không thay đổi so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước. Tình trạng hàng trăm nghìn lao động buộc nghỉ giãn việc, thôi việc, mất việc ở các doanh nghiệp diễn ra từ quý IV năm 2022 đã giảm nhiệt trong quý này.

1. Lực lượng lao động

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý III năm 2023 là 52,4 triệu người, tăng gần 100 nghìn người so với quý trước và hơn 0,5 triệu người so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, con số này ở khu vực thành thị và khu vực nông thôn đều tăng (tăng tương ứng là 82 nghìn người và 10,7 nghìn người), lực lượng lao động nữ giảm 253,5 nghìn người, trong khi đó lực lượng lao động nam tăng gần 346 nghìn người.

Hình 1: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên các quý, giai đoạn 2020 - 2023

Triệu người

Tính chung 9 tháng năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đạt 52,3 triệu người, cao hơn gần 0,8 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 19,5 triệu người, chiếm 37,3%; lực lượng lao động nữ đạt 24,5 triệu người, chiếm 46,8% lực lượng lao động của cả nước.

Hình 2: Lực lượng lao động 9 tháng, giai đoạn 2019 – 2023

Triệu người

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý III năm 2023 là 68,9%, đây là mức ổn định từ quý IV năm 2022 và tăng 0,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nữ giới là 62,7% và của nam giới là 75,3%. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động khu vực thành thị là 65,4%, trong khi đó tỷ lệ này ở nông thôn là 71,1%. Quan sát theo nhóm tuổi, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn ở các nhóm tuổi rất trẻ và nhóm tuổi già, trong đó chênh lệch nhiều nhất được ghi nhận ở nhóm 55 tuổi trở lên (thành thị: 30,7%; nông thôn: 45,6%) và nhóm từ 15-24 tuổi (thành thị: 39,3%; nông thôn: 49,2%).

Hình 3: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động, giai đoạn 2021 - 2023

%

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 9 tháng năm 2023 là 68,9%, tăng 0,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nam giới là 75,2%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước, trong khi đó tỷ lệ này của nữ là 62,9%, tăng 0,5 điểm phần trăm so với cùng kỳ.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ quý III năm 2023 là 27,3%, tăng 0,5 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tính đến Quý III năm 2023, cả nước vẫn còn 38,1 triệu người lao động chưa qua đào tạo. Con số này cho thấy thách thức không nhỏ trong việc nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động. Do đó, việc xây dựng các chính sách và chương trình đào tạo cụ thể là yêu cầu rất cấp thiết trong thời gian tới.

Tính chung 9 tháng năm 2023, lực lượng lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ ước tính là 14,0 triệu người, chiếm 26,8%, tăng gần 0,5 triệu người so với cùng kỳ năm trước.

2. Lao động có việc làm

So với quý trước, tình hình lao động có việc làm tiếp tục xu hướng tăng, khu vực công nghiệp và xây dựng phục hồi nhẹ

Lao động có việc làm quý III năm 2023 đạt 51,3 triệu người, tăng 87,4 nghìn người, tương ứng tăng 0,17% so với quý trước và tăng 523,6 nghìn người, tương ứng tăng 1,03% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực thành thị là 19,1 triệu người (chiếm 37,2%), tăng 77,0 nghìn người so với quý trước và tăng 254,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; khu vực nông thôn là 32,2 triệu người, tăng 10,4 nghìn người và tăng 268,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2023, lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm đạt 51,2 triệu người, tăng 776,0 nghìn người so với 9 tháng năm 2022. Số lao động có việc làm ghi nhận tăng ở cả khu vực thành thị và nông thôn cũng như ở nam giới và nữ giới, số lao động có việc làm ở khu vực thành thị là 19,0 triệu người, tăng 321,6 nghìn người, lao động ở khu vực nông thôn là 32,2 triệu người, tăng 454,3 nghìn người và ở nam giới là 27,2 triệu người, tăng 407,3 nghìn người, lao động nữ đạt 24,0 triệu người, tăng 368,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Lao động có việc làm theo khu vực kinh tế

Quý III năm 2023, ghi nhận sự phục hồi nhẹ về lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng sau khi bị sụt giảm trong quý II năm 2023 do ảnh hưởng sụt giảm đơn hàng trong các ngành công nghiệp dệt, may, gia dày; chế biến gỗ và điện tử. Số lao động trong khu vực này đạt 17,1 triệu người, tăng 10,0 nghìn người so với quý trước; lao động trong khu vực dịch vụ đạt 20,4 triệu người và có xu hướng tăng mạnh nhất trong 3 khu vực (tăng 95,8 nghìn người); khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với số lao động là 13,8 triệu người, giảm 18,4 nghìn người.

Hình 4: Số người có việc làm phân theo khu vực kinh tế theo quý

các năm 2022-2023

Triệu người

Số lao động ngành công nghiệp chế biến chế tạo nói chung đã có dấu hiệu phục hồi sau những biến động về nhu cầu thị trường tiêu dùng thế giới như ngành sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 38,3 nghìn người so với quý trước, ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 76,5 nghìn người. Ở chiều ngược lại, lao động ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ giảm 7,9 nghìn người; sản xuất giường tủ, bàn ghế giảm 103,8 nghìn người; ngành sản xuất đồ uống giảm 9,6 nghìn người.

Tính chung 9 tháng năm 2023, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản là 13,8 triệu người, (chiếm 27,0%), giảm 118,2 nghìn người, tương ứng giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước; khu vực công nghiệp và xây dựng là 17,2 triệu người (chiếm 33,5%), tăng 318,5 nghìn người, tương ứng tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước; khu vực dịch vụ với 20,2 triệu người, chiếm đến 39,5% tổng số lao động và duy trì mức tăng cao nhất so với hai khu vực còn lại, tăng 575,7 nghìn người, tương ứng tăng 2,9%.

So sánh cùng kỳ các năm từ 2020 đến nay (trừ năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19), sự chuyển dịch cơ cấu ngành giữa khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và hai khu vực còn lại dường như chậm lại. Nếu như trong 9 tháng các năm 2020 và 2022 tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp giảm lần lượt là 1,3 điểm phần trăm và 1,2 điểm phần trăm và tăng lên tương ứng ở hai khu vực còn lại thì đến 9 tháng năm 2023 thì tỷ trọng lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm chậm hơn, chỉ giảm 0,7 điểm phần trăm. Điều này một phần do những khó khăn của ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong năm qua đã không tạo được động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động.

Hình 5: Tăng/giảm tỷ trọng lao động làm việc trong các khu vực kinh tế 9 tháng,

giai đoạn 2020-2023

Điểm phần trăm

Lao động có việc làm phi chính thức

Số người lao động đang làm việc có xu hướng tăng nhưng thị trường lao động chưa có sự cải thiện về chất lượng lao động khi số lao động làm các công việc bấp bênh, thiếu tính ổn định vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Số người có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong hộ nông, lâm nghiệp và thủy sản)[[3]](#footnote-3) trong quý III năm 2023 là 33,4 triệu người, tăng 43,9 nghìn người so với quý trước và tăng 355,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức quý III năm 2023 chiếm đến 65,0%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với quý trước và không biến động so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt tỷ lệ này ở nữ giới tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức phi nông nghiệp của cả nước trong 9 tháng năm 2023 là 64,9%, giảm 1,0 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ở khu vực thành thị là 49,4%, giảm 1,0 điểm phần trăm, và ở khu vực nông thôn, tỷ lệ này là 74,0% giảm 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

3. Lao động thiếu việc làm

Tỷ lệ thiếu việc làm quý III năm 2023 không thay đổi so với quý trước và tăng so với cùng kỳ năm trước, lao động ở khu vực công nghiệp và xây dựng chịu tác động nhiều nhất.

Sự sụt giảm sức mua ở các thị trường xuất khẩu; xung đột giữa Nga-Ukraine; lạm phát, giá cả tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt,... làm cho tổng cầu hàng hóa trên thế giới sụt giảm, nhu cầu nhập khẩu của các thị trường lớn cũng bị suy giảm, dẫn tới các doanh nghiệp trong nước bị cắt giảm đơn hàng, gây khó khăn cho việc sản xuất. Điều này dẫn đến tình trạng người lao động tiếp tục bị mất việc, giảm giờ làm, giảm thu nhập[[4]](#footnote-4). Trong bối cảnh đó, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã chỉ đạo các địa phương nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời có những giải pháp phù hợp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trên địa bàn rà soát, thực hiện đúng các chế độ, chính sách cho người lao động[[5]](#footnote-5); tăng cường tổ chức các phiên giao dịch việc làm, đặc biệt các phiên giao dịch việc làm chuyên đề theo từng loại lao động, cụm doanh nghiệp để nhanh chóng kết nối việc làm cho người lao động. Các địa phương cũng đã đẩy mạnh giải ngân vốn cho vay giải quyết việc làm, thông qua Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động của Ngân hàng Chính sách xã hội[[6]](#footnote-6). Do đó, về cơ bản, tình hình thiếu việc làm quý này không thay đổi nhiều so với quý trước. Cụ thể, số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động[[7]](#footnote-7) quý III năm 2023 khoảng 940,9 nghìn người, tăng 0,2 nghìn người so với quý trước và tăng 69,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý này là 2,06%, không thay đổi so với quý trước và tăng 0,14 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở khu vực thành thị quý III/2023 là 1,83% thấp hơn so với khu vực nông thôn (2,19%). So với quý trước và cùng kỳ năm trước, tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở khu vực nông thôn giảm 0,12 điểm phần trăm và giảm 0,01 điểm phần trăm, trong khi đó khu vực thành thị tăng 0,17 điểm phần trăm và tăng 0,35 điểm phần trăm.

Hình 6: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động theo quý  
giai đoạn 2020-2023

Tính chung 9 tháng năm 2023, số người thiếu việc làm trong độ tuổi là 922,4 nghìn người, giảm 105,0 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi 9 tháng năm 2023 là 2,02%, giảm 0,27 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn (tương ứng là 1,60% và 2,28%).

Hình 7: Số người và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động 9 tháng,  
giai đoạn 2019-2023

Trong tổng số 940,9 nghìn người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động ở quý III năm 2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là khu vực có tỷ trọng thiếu việc làm cao nhất với 39,6% (tương đương với 372,6 nghìn người thiếu việc làm); tiếp theo là khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 31,6% (tương đương 297,4 nghìn người); khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng thấp nhất với 28,8% (tương đương 270,9 nghìn người). So với cùng kỳ năm trước, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có số lao động thiếu việc làm trong độ tuổi lao động giảm (giảm 54,1 nghìn người), trong khi khu vực công nghiệp-xây dựng và khu vực dịch vụ đều tăng (tăng 109,2 nghìn người và tăng 14,2 nghìn người). Như vậy, lao động làm việc trong khu vực công nghiệp và xây dựng bị ảnh hưởng nhiều nhất về tình trạng thiếu việc làm.

4. Thu nhập bình quân của lao động

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý III/2023 là 7,1 triệu đồng, tăng 146 nghìn đồng so với quý II/2023 và tăng 359 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,37 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (8,1 triệu đồng so với 5,9 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao gấp 1,39 lần khu vực nông thôn (8,6 triệu đồng so với 6,2 triệu đồng).

Đời sống của người lao động quý III năm nay được cải thiện chậm. Nếu như quý III/2022 thị trường lao động đã ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, đời sống của người lao động được cải thiện đáng kể, với tốc độ tăng thu nhập bình quân của người lao động lên tới 30,1% so với quý III/2021. Bước sang quý III/2023, thu nhập bình quân của lao động tiếp tục ghi nhận tốc độ tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 8: Thu nhập và Tốc độ tăng/giảm bình quân tháng của lao động quý III so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2020-2023

Tính chung 9 tháng năm 2023, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 7,0 triệu đồng, tăng 6,8%, tương ứng tăng 451 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động nam cao gấp 1,36 lần thu nhập bình quân tháng của lao động nữ (8,0 triệu đồng so với 5,9 triệu đồng). Thu nhập bình quân của lao động ở khu vực thành thị cao gấp 1,4 lần khu vực nông thôn (8,6 triệu đồng so với 6,1 triệu đồng).

Hình 9: Thu nhập và Tốc độ tăng/giảm bình quân tháng của lao động 9 tháng

so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2020-2023

Thu nhập bình quân của người lao động theo vùng kinh tế - xã hội

So với cùng kỳ năm trước, quý III năm nay thu nhập bình quân của người lao động tăng tại tất cả các vùng kinh tế - xã hội của cả nước; trong đó, vùng Đồng bằng sông Hồng có tốc độ tăng cao nhất. Trong quý này, thu nhập bình quân tháng của lao động tại vùng Đồng bằng sông Hồng là 8,4 triệu đồng, tăng 6,1% (tương ứng tăng 485 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nhập bình quân tháng của lao động làm việc tại tỉnh Thái Nguyên là 7,3 triệu đồng, tăng 15,6% (tương ứng tăng 979 nghìn đồng); tại Thành phố Hà Nội là 9,9 triệu đồng, tăng 9,7% (tương ứng tăng 873 nghìn đồng). Riêng tại Bắc Ninh, thu nhập bình quân tháng của lao động giảm 3,8% (tương ứng giảm 328 nghìn đồng).

Trong Quý III/2023, thu nhập bình quân tháng của người lao động tại vùng Đông Nam Bộ là 8,8 triệu đồng, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước, thấp nhất trong các vùng của cả nước. Trong đó, thu nhập bình quân của lao động làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh là 9,3 triệu đồng, tăng 0,6% (tăng 56 nghìn đồng) so với cùng kỳ năm trước; tại Đồng Nai là 8,7 triệu đồng, tăng 1,8% (tăng 155 nghìn đồng).

Hình 10: Thu nhập bình quân tháng của người lao động   
theo vùng kinh tế - xã hội, quý III, giai đoạn 2021-2023

Triệu đồng

Thu nhập bình quân của người lao động theo khu vực kinh tế

So với cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân tháng của lao động trong quý III/2023 tại ba khu vực kinh tế đều tăng; trong đó, khu vực dịch vụ ghi nhận tốc độ tăng cao nhất. So với cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân tháng của lao động tại khu vực dịch vụ trong quý III năm nay đạt 8,4 triệu đồng, tăng 6,0%, tương ứng tăng 478 nghìn đồng; tại khu vực nông, lâm, nghiệp và thủy sản là 4,1 triệu đồng, tăng 5,0%, tăng tương ứng là 197 nghìn đồng; tại khu vực công nghiệp và xây dựng là 7,9 triệu đồng, tăng 262 nghìn đồng, tăng tương ứng 3,4%.

Hình 11: Tốc độ tăng/giảm thu nhập bình quân tháng của người lao động   
theo khu vực kinh tế, quý III so với cùng kỳ năm trước, giai đoạn 2020-2023

%

Thu nhập bình quân của người lao động theo ngành kinh tế

Quý III/2023 so với cùng kỳ năm trước, thu nhập bình quân của lao động tăng lên ở hầu hết các ngành kinh tế. Một số ngành ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá so với cùng kỳ năm trước: thu nhập bình quân tháng của lao động làm trong ngành khai khoáng là 10,4 triệu đồng, tăng 11,0%, tương ứng tăng 1,03 triệu đồng; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống là 6,9 triệu đồng, tăng 7,5%, tương ứng tăng 485 nghìn đồng; ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe gắn máy là 8,2 triệu đồng, tăng 6,4%, tương ứng tăng gần 500 nghìn đồng; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là 7,8 triệu đồng, tăng 3,6%, tương ứng tăng 274 nghìn đồng.

Tính chung 9 tháng năm 2023, lao động làm việc trong một số ngành kinh tế ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân khá so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, lao động làm việc trong ngành khai khoáng có thu nhập bình quân tháng là 10,2 triệu đồng, tăng 10,9%, tương ứng tăng khoảng 1 triệu đồng; ngành dịch vụ lưu trú ăn uống có mức thu nhập bình quân là 6,7 triệu đồng, tăng 8,5%, tương ứng tăng 526 nghìn đồng; ngành vận tải kho bãi lao động có thu nhập bình quân là 9,7 triệu đồng, tăng 8,3%, tương ứng tăng 741 nghìn đồng; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 4,1 triệu đồng, tăng 7,0%, tương ứng tăng 267 nghìn đồng; ngành công nghiệp chế biến chế tạo là 7,8 triệu đồng, tăng 5,7%, tương ứng tăng 426 nghìn đồng.

Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công ăn lương trong 9 tháng năm 2023 là 7,9 triệu đồng, tăng khoảng 409 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Lao động nam có mức thu nhập bình quân cao hơn mức thu nhập bình quân của lao động nữ là 1,14 lần (8,4 triệu đồng so với 7,3 triệu đồng). Lao động làm việc trong khu vực thành thị có mức thu nhập bình quân là 8,9 triệu đồng, cao hơn 1,24 lần mức thu nhập bình quân của lao động ở khu vực nông thôn (7,1 triệu đồng).

5. Lao động thất nghiệp

So với quý trước, thất nghiệp quý III tăng về số lượng và không thay đổi về tỷ lệ.

Trong bối cảnh tăng trưởng GDP toàn cầu được dự báo thấp hơn so với năm trước, do sức cầu tại các nền kinh tế phát triển đang yếu đi và tăng trưởng thương mại toàn cầu dự kiến sẽ giảm tốc, các doanh nghiệp và thị trường lao động Việt Nam chịu ảnh hưởng bất lợi từ khó khăn của kinh tế thế giới[[8]](#footnote-8). Tuy nhiên, do đặc trưng của thị trường lao động Việt Nam có tỷ lệ phi chính thức cao nên mặc dù có một số doanh nghiệp cắt giảm hoặc giãn, hoãn lao động nhưng thất nghiệp chung biến động không nhiều so với quý trước. Cụ thể, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2023 khoảng 1,08 triệu người, tăng 6,3 nghìn người so với quý trước và tăng 22,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý III năm 2023 là 2,30%, không thay đổi so với quý trước và tăng 0,02 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của khu vực thành thị tiếp tục duy trì dưới 3% (quý III năm 2022 là 2,79%, quý I năm 2023 là 2,66% và quý II năm 2023 là 2,75% và quý III năm 2023 là 2,78%).

Hình 12: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động theo quý  
giai đoạn 2020-2023

Tính chung 9 tháng năm 2023, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là khoảng 1,07 triệu người, giảm 13,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng năm 2023 là 2,28%, giảm 0,07 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Hình 13: Số người và tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động 9 tháng,  
giai đoạn 2019-2023

Trong quý III năm 2023, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam Bộ là hai vùng có tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động cao nhất cả nước, tương ứng là 2,87% và 3,08%. Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý này là 3,69%, giảm 0,02 điểm phần trăm so với quý trước, trong khi Hà Nội tỷ lệ này là 0,97%, giảm 0,26 điểm phần trăm.

Theo báo cáo nhanh từ các địa phương cho biết số lao động nghỉ giãn việc của các doanh nghiệp trên cả nước trong quý III năm nay[[9]](#footnote-9) là khoảng 54,2 nghìn người, giảm 187,3 nghìn người so với quý trước, trong đó chiếm đa số là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (chiếm 66,3% tổng số lao động nghỉ giãn việc), chủ yếu ở ngành da giày (chiếm 31,9%), tiếp theo là dệt may (chiếm 30,9%).

Số lao động bị mất việc trong quý III năm 2023 là 118,4 nghìn người, giảm 99,4 nghìn người so với quý trước. Trong đó, tập trung chủ yếu ở các lao động thuộc các ngành dệt may, da giày và chủ yếu tập trung ở hai tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ là Bình Dương (khoảng 33,6 nghìn người) và Thành phố Hồ Chí Minh (khoảng 34,6 nghìn người).

So với quý trước, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (15 đến 24 tuổi) và tỷ lệ thanh niên không có việc làm, không tham gia học tập hoặc đào tạo tăng. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước, hai tỷ lệ này đều giảm.

Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên 15-24 tuổi quý III năm 2023 là 7,86%, tăng 0,45 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,16 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 10,35%, cao hơn 3,75 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn. So với quý trước, tỷ lệ này tăng ở cả hai khu vực thành thị và nông thôn, tương ứng tăng 0,75 và 0,31 điểm phần trăm. So với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ này giảm ở cả khu vực thành thị và nông thôn, tương ứng giảm 0,19 và 0,10 điểm phần trăm.

Số thanh niên (người từ 15-24 tuổi) thất nghiệp 9 tháng năm 2023 là khoảng 434,3 nghìn người, chiếm 40,0% tổng số người thất nghiệp. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên trong 9 tháng năm 2023 là 7,63%, giảm 0,23 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 9,80%, tăng 0,15 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Trong quý III năm 2023, cả nước có hơn 1,5 triệu thanh niên 15-24 tuổi không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo (chiếm 12,1% tổng số thanh niên), tăng 95,5 nghìn người so với quý trước và giảm 81,2 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập, đào tạo ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị, 13,5% so với 9,8% và ở nữ thanh niên cao hơn so với nam thanh niên, 13,9% so với 10,4%. So với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ này giảm cả ở khu vực thành thị, nông thôn và cả hai giới nam và nữ (tương ứng giảm 1,0; 0,7; 0,7 và 0,9 điểm phần trăm).

6. Lao động không sử dụng hết tiềm năng

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng duy trì mức trung bình.

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng[[10]](#footnote-10) là chỉ tiêu tổng hợp cho biết mức độ “lệch pha” giữa cung và cầu lao động trên thị trường; phản ánh tình trạng dư cung về lao động. Trong điều kiện kinh tế phát triển bình thường, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng luôn tồn tại. Tỷ lệ này thường tăng cao khi thị trường chịu các cú sốc về kinh tế - xã hội.

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng của Việt Nam thường dao động ở mức 4%. Giai đoạn quý I năm 2020 đến quý II năm 2022, tỷ lệ này thay đổi liên tục, trong đó đạt mức cao kỷ lục là 10,4% vào quý III năm 2021. Bắt đầu từ quý III năm 2023, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng dao động nhẹ và giữ mức 4,2% (hơn 2,2 triệu người).

Hình 14: Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng theo quý, giai đoạn 2020-2023

%

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng quý III năm 2023 của khu vực thành thị là 4,5% (tăng 0,2 điểm phần trăm so với quý trước) và khu vực nông thôn là 4,1% (giảm 0,2 điểm so với quý trước). Đa số lao động không sử dụng hết tiềm năng là những người từ 15-34 tuổi (51,7%) cao hơn rất nhiều so với tỷ trọng lao động nhóm tuổi này trong lực lượng lao động (33,2%). Điều này cho thấy Việt Nam vẫn còn một bộ phận không nhỏ lực lượng lao động tiềm năng chưa được khai thác, đặc biệt là nhóm lao động trẻ.

Hình 15: Cơ cấu tuổi của lực lượng lao động và

lao động không sử dụng hết tiềm năng, quý III năm 2023

%

Tính chung 9 tháng năm 2023, số lao động không sử dụng hết tiềm năng là 2,3 triệu người, giảm gần 0,4 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng 9 tháng 2023 là 4,3%, giảm 0,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ lệ này ở của khu vực thành thị là 4,3% và khu vực nông thôn là 4,4%. So với cùng kỳ năm trước, lao động không sử dụng hết tiềm năng khu vực thành thị và khu vực nông thôn đều giảm 0,7 điểm phần trăm.

7. Lao động làm công việc tự sản tự tiêu

Lao động làm công việc tự sản tự tiêu trong khu vực nông nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ.

Từ quý III năm 2021 trở lại đây, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu liên tục giảm dần qua các quý, con số này của quý III năm 2023 là 3,7 triệu người, tiếp tục giảm 220,4 nghìn người so với quý trước và giảm mạnh gần 0,6 triệu người so với cùng kỳ năm trước, số lao động này chủ yếu ở khu vực nông thôn. Gần hai phần ba số người sản xuất sản phẩm tự sản tự tiêu quý III năm 2023 là nữ giới (chiếm 63,2%). Trong tổng số 3,7 triệu lao động sản xuất tự sản tự tiêu, có khoảng 1,7 triệu người đang trong độ tuổi lao động (chiếm 45,9%). Hầu hết tất cả lao động sản xuất tự sản tự tiêu đều không có bằng cấp, chứng chỉ. Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng yêu cầu cao về tay nghề, kỹ năng cũng như nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái và thiếu tính ổn định, cơ hội để nhóm lao động này tìm kiếm được công việc tốt là rất khó khăn.

Hình 16: Lao động làm công việc tự sản tự tiêu các quý, giai đoạn 2020 - 2023

Triệu người

Tính chung 9 tháng 2023, số lao động làm công việc tự sản tự tiêu là gần 3,9 triệu người, giảm 0,6 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Số lao động này chủ yếu ở khu vực nông thôn (chiếm 89,1%).

Gần 2/3 số lao động tự sản tự tiêu là nữ giới (chiếm 63,0%). Số lao động nữ giới làm công việc tự sản tự tiêu 9 tháng 2023 giảm gần 400 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Trong tổng số 3,9 triệu người là lao động sản xuất tự sản tự tiêu, hơn 1,9 triệu người đang trong độ tuổi lao động (chiếm 50,4%).

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

1. Số liệu các quý năm 2019, 2020 trong báo cáo này được tính toán lại theo khung khái niệm mới ICLS 19. [↑](#footnote-ref-1)
2. EU (Tháng 9/2023), “Báo cáo Dự báo kinh tế mùa hè 2023”, <https://economy-finance.ec.europa.eu/system/files/2023-09/ip255_en.pdf>, truy cập ngày 22/9/2023; OECD (Tháng 9/2023), “Báo cáo Triển vọng kinh tế sơ bộ: Đối mặt với lạm phát và tăng trưởng thấp”, <https://www.oecd.org/economic-outlook/september-2023>, , truy cập ngày 22/9/2023; Fitch Ratings (Tháng 9/2023), “Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu”, [https://www.fitchratings.com/research/sovereigns/global-economic-outlook-september-2023-13-09-2023](https://www.fitchratings.com/research/sovereigns/global-economic-outlook-september-2023-13-09-2023#:~:text=The%20world%20economy%20is%20now,outlook%20in%20the%20US%20and), truy cập ngày 18/9/2023.

   . [↑](#footnote-ref-2)
3. Lao động có việc làm phi chính thức chung (bao gồm cả lao động làm việc trong khu vực hộ nông lâm nghiệp và thủy sản) là những người có việc làm và thuộc một trong các trường hợp sau: (i) lao động gia đình không được hưởng lương, hưởng công; (ii) người chủ của cơ sở, lao động tự làm trong khu vực phi chính thức (iii) người làm công hưởng lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc; (iv) xã viên hợp tác xã không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; (iv) lao động trong khu vực hộ nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nguồn: https://nhandan.vn/thach-thuc-voi-thi-truong-lao-dong-6-thang-cuoi-nam-post757216.html. [↑](#footnote-ref-4)
5. Cụ thể như: (i) Các chính sách đối với người lao động thôi việc, mất việc làm *(trợ cấp thất nghiệp cho người lao động mất việc làm; tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí; hỗ trợ đóng BHYT cho người lao động từ Quỹ BHTN…);* (ii) Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc là từ Quỹ quốc gia về việc làm;(iii) Hỗ trợ đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động; (iv) Tăng cường hoạt động kết nối cung – cầu lao động, tổ chức các phiên giao dịch việc làm chuyên đề, kết nối trực tuyến liên tỉnh, liên vùng và (v) các chính sách hỗ trợ đảm bảo ASXH cho người lao động khác. [↑](#footnote-ref-5)
6. Trong 03 tháng đầu năm 2023, doanh số cho vay đạt 2.194,7 tỷ đồng; cho vay 37.839 dự án, góp phần hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 62.028 lao động. [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo quy định tại Bộ Luật Lao động năm 2019, trong độ tuổi lao động bao gồm: nam từ 15 đến 59 và nữ từ 15 đến 54 (từ năm 2020 trở về trước); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 3 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 55 tuổi 4 tháng (năm 2021); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 6 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 55 tuổi 8 tháng (năm 2022); nam từ 15 đến chưa đủ 60 tuổi 9 tháng và nữ từ 15 đến chưa đủ 56 tuổi (năm 2023). [↑](#footnote-ref-7)
8. Báo cáo Điểm lại, tháng 8/2023 : Để Đầu tư công thúc đẩy tăng trưởng (Vietnamese). Washington, D.C. : World Bank Group. [↑](#footnote-ref-8)
9. Số liệu quý III năm 2023 tổng hợp từ ngày 1/7/2023 đến 15/9/2023. [↑](#footnote-ref-9)
10. Lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đủ công việc (hay còn gọi là lao động không sử dụng hết tiềm năng) bao gồm những người thất nghiệp, thiếu việc làm và một nhóm ngoài lực lượng lao động sẵn sàng làm việc nhưng không tìm việc hoặc có tìm việc nhưng chưa sẵn sàng làm việc ngay. Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng là tỷ số giữa lao động có nhu cầu làm việc nhưng không được đáp ứng đầy đủ công việc so với tổng số lao động có nhu cầu làm việc trong nền kinh tế. [↑](#footnote-ref-10)